

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 202/2019/HSST
Ngày: 10-7- 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Loan

Ông Phạm Văn Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Đào Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 207/2019/HSST, ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐ-HS ngày 24 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1998.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1963 và bà Trần Thị D, sinh năm 1964; Chưa có chồng; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 30/3/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phúc thẩm tuyên phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Nhân thân: Ngày 09/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xét xử 05 (Năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án HSPT số 44 ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 06 năm 06 tháng 13 ngày.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam số 6-Bộ Công an; Có mặt.

Người bị hại: Chị Lương Thị H, sinh năm 1995.

Trú tại: Khu C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Ch, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn Y, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2018 Nguyễn Thị Phương Th sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook có Nick name H đăng trên mạng xã hội tìm người cộng tác bán hàng online và yêu cầu người nhận cộng tác phải gửi thẻ ATM kèm mật khẩu, thẻ ATM có mã pin cùng giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước. Với thủ đoạn này, Th đã lấy được của chị Ch, sinh năm 1998, trú tại thôn 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gi gồm 01 giấy CMND số 231343155 cùng thẻ ATM kèm mật khẩu của Ngân hàng Vietcombank số tài khoản 0291000327559. mang tên Ch.

Sau khi có thẻ ATM và CMND của chị Ch, Nguyễn Thị Phương Th sử dụng một số hình ảnh quần áo lấy trên mạng internet đăng tin rao bán hàng trên mạng xã hội Facebook với Nick name H. Ngày 14/11/2018, chị Lương Thị H, sinh năm 1995 trú tại phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa sử dụng tài khoản Facebook với Nick name L nhắn tin giao dịch đặt mua 01 lô hàng áo dạ có giá trị 70.000.000đ với tài khoản Facebook H của Th. Th đưa số điện thoại 0963640925 để chị H liên lạc. Sau khi thống nhất thỏa thuận giá cả, chị H đã chuyển trước vào tài khoản 0291000327559 mang tên Ch số tiền 14.000.000đ. Cùng thời điểm đó, Th sử dụng tài khoản Facebook với Nick name Ng liên hệ nhắn tin giao dịch với tài khoản Facebook L của chị H đặt mua đúng loại mặt hàng nói trên với số lượng lớn và giá tiền cao hơn. Sau khi thống nhất, Th đến ngân hàng Vietcombank chi nhánh tại thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh chuyển trước số tiền 5.000.000đ vào tài khoản 0781000457939 thuộc ngân hàng Vietcombank của chị H để làm tin và yêu cầu chuyển hàng sớm đúng hẹn.

Mặt khác, Thảo sử dụng Nick name H trao đổi với chị H do hàng chuyển về muộn, tiền chị H chuyển vào tài khoản Th chưa nhận được do lỗi ngân hàng nên đã dục chị H chuyển thêm tiền lần lượt là 6.000.000đ, 30.000.000đ và 20.000.000đ. Sau khi nhận tổng số tiền 70.000.000đ, Th không giao dịch với bất kỳ ai để mua hàng gửi cho chị H theo thỏa thuận. Th chặn mọi liên lạc từ chị H và rút tiền từ các cây ATM, số tiền này Th đã chi tiêu cá nhân hết. Chị H đã đến cơ quan Công an trình báo và tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Th để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị H yêu cầu bị cáo Th phải hoàn trả cho chị số tiền chiếm đoạt là 65.000.000đ.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Thị Phương Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 186/CT-VKS-MT, ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Nguyễn Thị Phương T về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương Th phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương Th mức án từ 36

tháng đến 42 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm 06 tháng 13 ngày tù của Bản án số 35/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Về bồi thường dân sự: Buộc Nguyễn Thị Phương Th trả cho chị Lương Thị H số tiền 65.000.000đ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Phương Th thừa nhận: Vào ngày 14/11/2018 và 15/11/2018, Nguyễn Thị Phương Th với thủ đoạn dùng tài khoản mạng xã hội Facebook với Nick name H chào bán hàng cho chị Lương Thị H với giá thấp, sau đó dùng tài khoản Facebook khác có Nickname Ng đặt mua hàng của chị H với giá cao hơn, đồng thời đặt cọc 5.000.000đ vào tài khoản của chị H để làm tin. Sau đó chị Hương đã chuyển cho Th tổng số tiền 70.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, Th đã chặn tài khoản Facebook và điện thoại của chị H để cắt liên lạc. Tổng số tiền Th chiếm đoạt của chị H là 65.000.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị Phương Th phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có sức khỏe, có nhận thức nhưng vì không chịu làm ăn chân chính, muốn có tiền để tiêu sài cá nhân nên đã sử dụng mạng internet dưới hình thức kinh doanh để buôn bán hàng hóa qua mạng xã hội; Lợi dụng lòng tin của người bị hại, đã sử dụng mạng Facebook ảo để lừa đảo bán hàng qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

Ngoài việc phải chấp hành hình phạt của bản án này, bị cáo Nguyễn Thị Phương Th còn phải chịu tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng 13 ngày tù của Bản án số 35/2019/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (Quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015).

Đối với chị Ch là người đã đưa thẻ ATM và CMND cho Th, do chị Ch không biết việc Th dùng tài khoản của mình để nhận tiền của chị H nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Sử dụng mạng internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, ngày 21 và 22/11/2018, Th đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1987 ở xã Gi, huyện V, tỉnh Ninh Bình.

Đối với hành vi này, Nguyễn Thị Phương Th đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xét xử vào ngày 09/5/2019 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng do bị cáo thực hiện hành vi đó sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử lần này nên không tính lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm (Theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015).

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với nhân thân của bị cáo xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 65.000.000đ đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý hoàn trả lại số tiền này nhưng hiện nay bị cáo chưa có khả năng để trả một lần cho bị hại. Bị cáo sẽ tác động đến người thân trong gia đình để trả dần số tiền này cho bị hại. Do đó buộc bị cáo phải trả cho chị Lương Thị H số tiền 65.000.000đ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, lại đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Chứng minh nhân dân mang tên Ch đã được trả lại cho chị Ch nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho chị Lương Thị H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 290; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thị Phương Th 03 (Ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng 13 ngày tù của Bản án số 35/2019/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng 13 (Mười ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2019.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng điều 357; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th trả cho chị Lương Thị H số tiền 65.000.000đ

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.250.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh

